



Năng suất lao động của Việt Nam liên tục tăng lên qua các năm. Ảnh: ST.

Năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2021-2025

PGS.TS. Tăng Văn Khiên¹, ThS. Nguyễn Thị Mão²

¹Hội Thống kê Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

“

Năng suất lao động (NSLĐ) của toàn nền kinh tế Việt Nam vẫn còn ở mức khiêm tốn so với các nước Đông Nam Á, nhưng đã có những chuyển biến tích cực khi liên tục tăng qua các năm, với tốc độ tăng khá ở cả ba khu vực kinh tế và đóng góp quyết định vào tăng trưởng GDP trong những năm gần đây.

”

Năng suất lao động là chỉ tiêu hiệu quả sử dụng lao động sống, đặc trưng bởi quan hệ so sánh giữa một chỉ tiêu đầu ra (chỉ tiêu kết quả sản xuất) và một chỉ tiêu đầu vào (số lao động làm việc hoặc thời gian lao động làm việc).

Ở Việt Nam hiện nay, NSLĐ được tính trên cơ sở đầu ra là tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc giá trị tăng thêm và được tính ở phạm vi toàn nền kinh tế, từng loại hình kinh tế, từng khu vực kinh tế, từng ngành kinh tế cũng như từng doanh nghiệp hay đơn vị sản xuất kinh doanh. Bài viết đi sâu đánh giá, phân tích NSLĐ chung toàn nền kinh tế và các khu vực kinh tế.

Năng suất lao động chung toàn nền kinh tế giai đoạn 2021-2025

Từ số liệu về GDP (có cả thuế sản phẩm trừ trợ cấp) theo giá thực tế (giá hiện hành) và số lao động làm việc tương ứng, tính được NSLĐ theo giá thực tế chung toàn nền kinh tế năm 2021 là 172,96 triệu đồng/người, năm 2022 là 190,13 triệu đồng/người và năm 2023 là 201,23 triệu đồng/người, năm 2024 là 221,95 triệu đồng/người và năm 2025 là 245,00 triệu đồng/người.

Nếu tính bằng USD theo phương pháp sức mua tương đương: năm 2021, NSLĐ của Việt Nam đạt 22.096 USD/người, so với các nước trong khu vực Đông Nam Á, NSLĐ của Việt Nam đứng thứ 7 (thấp

hơn NSLĐ của 6 nước: Singapore, Brunei, Malaysia, Thailand, Indonesia và Philippines).

Đến năm 2024, NSLĐ của Việt Nam đạt 25.850 USD/người, đứng vị trí thứ 6, thấp hơn NSLĐ của 5 nước (vượt trên Philippines).

Phân tích biến động NSLĐ chung toàn nền kinh tế theo thời gian là so sánh NSLĐ theo giá so sánh 2010 (để loại trừ ảnh hưởng của thay đổi giá cả đến biến động NSLĐ giữa các năm) cho thấy, NSLĐ của Việt Nam liên tục tăng lên qua các năm cụ thể như sau: NSLĐ năm 2021 tăng 4,56%, năm 2022 tăng 5,25%, năm 2023 tăng 3,66%, năm 2024 tăng 5,77% và năm 2025 tăng 6,83%.

Bình quân giai đoạn 2021-2025, NSLĐ chung toàn nền kinh tế tăng 5,21%/năm. Đây là kết quả tích cực, thể hiện sự phát triển về trình độ, năng lực của lao động.

Khi nghiên cứu quan hệ giữa NSLĐ và số lượng lao động làm việc ảnh hưởng đến biến động chỉ tiêu GDP ở phạm vi toàn nền kinh tế thì kết quả là ảnh hưởng của yếu tố tăng NSLĐ đến tăng trưởng GDP là chủ yếu, còn yếu tố lao động cũng ảnh hưởng làm tăng, nhưng chỉ ở mức độ khiêm tốn, cụ thể là bình quân năm giai đoạn 2021-2025 GDP của Việt Nam tăng 6,20%; trong đó do tăng NSLĐ làm tăng 5,26%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng là 84,84% ($5,26:6,20 \times 100$), còn do tăng lao động làm tăng 0,94%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng là 15,16% ($0,94:6,20 \times 100$).

Năng suất lao động theo các khu vực kinh tế giai đoạn 2021-2025

Từ số liệu giá trị tăng thêm (không có thuế sản phẩm trừ trợ cấp) theo giá thực tế và số lao động làm việc tương ứng của các khu vực kinh tế tính được NSLĐ theo giá thực tế của các khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp, xây dựng; dịch vụ từ năm 2021 đến 2025.

Kết quả tính toán được hệ thống ở bảng 1.



Ở Việt Nam hiện nay, năng suất lao động được tính trên cơ sở đầu ra là tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc giá trị tăng thêm và được tính ở phạm vi toàn nền kinh tế. Ảnh: ST.

Bảng 1. Năng suất lao động theo giá thực tế của các khu vực kinh tế qua các năm (Triệu đồng/người)

Khu vực	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	75,00	82,01	88,61	101,28	111,01
Công nghiệp, xây dựng	195,30	218,74	225,84	248,67	275,63
Dịch vụ	188,67	200,50	215,04	234,11	256,46

Số liệu bảng 1 cho thấy, NSLĐ theo giá thực tế của khu vực công nghiệp, xây dựng luôn đạt cao nhất, sau đến NSLĐ của khu vực dịch vụ và NSLĐ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản luôn đạt thấp nhất.

Nếu lấy NSLĐ của hai khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ (có trị số lớn hơn) chia cho NSLĐ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (có trị số thấp nhất) thì có kết quả là: Năm 2021 NSLĐ của khu vực công nghiệp, xây dựng bằng 2,60 lần, NSLĐ của khu vực dịch vụ bằng 2,52 lần, hay nói khác đi nếu lấy NSLĐ của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 1 đơn vị, thì NSLĐ của khu vực công nghiệp, xây dựng là 2,60 đơn vị và NSLĐ của khu vực dịch vụ là 2,52 đơn vị.

Tương tự như trên, quan hệ về NSLĐ giữa 3 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ ở các năm còn lại như sau:

- Năm 2022 là 1 đơn vị; 2,67 đơn vị và 2,44 đơn vị;
- Năm 2023 là 1 đơn vị; 2,55 đơn vị và 2,43 đơn vị;
- Năm 2024 là 1 đơn vị; 2,46 đơn vị và 2,31 đơn vị;
- Năm 2025 là 1 đơn vị; 2,48 đơn vị và 2,31 đơn vị.

Như vậy, NSLĐ của khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có sự chênh lệch ở mức nhất định so với NSLĐ của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tuy nhiên mức chênh lệch này có xu hướng thu hẹp ở các năm 2024 và 2025 nhưng không nhiều.

Từ số liệu giá trị tăng thêm (không có thuế sản phẩm trừ trợ cấp) theo giá so sánh 2010 và số liệu lao động tương ứng của ba khu vực kinh tế có thể tính được NSLĐ theo giá so sánh, rồi từ đó tính tốc độ tăng NSLĐ của từng khu vực kinh tế qua các năm và bình quân năm giai đoạn 2021-2025.

Kết quả tính tốc độ tăng NSLĐ của các khu vực kinh tế được hệ thống ở bảng 2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê (2024), *Niên giám Thống kê*, 1268 trang.
2. Tăng Văn Khiên (2015), *Phân tích thống kê - Lý thuyết và ứng dụng*, Nhà xuất bản Thống kê.

Bảng 2. Tốc độ tăng NSLĐ của các khu vực kinh tế qua các năm (%)

Khu vực	Năm					Bình quân 2021-2025
	2021	2022	2023	2024	2025	
1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,90	6,12	4,83	4,70	5,28	4,77
2. Công nghiệp, xây dựng	4,84	3,85	2,25	6,71	7,81	5,07
3. Dịch vụ	6,22	4,05	3,97	4,56	5,63	4,88

Số liệu bảng 2 cho thấy, NSLĐ của 3 khu vực qua tất cả các năm đều tăng lên, tức là tốc độ tăng NSLĐ đều đạt giá trị dương, tuy nhiên mức độ tăng NSLĐ giữa các khu vực qua từng năm có xu hướng cao thấp khác nhau: Năm 2021 khu vực dịch vụ có tốc độ tăng cao nhất (tăng 6,22%) và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tốc độ tăng thấp nhất (tăng 2,90%); năm 2022 và 2023 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản lại có tốc độ tăng NSLĐ cao nhất (tăng 6,12% và 4,83%) và khu vực công nghiệp, xây dựng có tốc độ tăng thấp nhất (tăng 3,85% và 2,25%), nhưng đến năm 2024 và 2025 khu vực công nghiệp, xây dựng lại có tốc độ tăng cao nhất (tăng 6,71% và 7,81%), còn khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và khu vực dịch vụ thay nhau đứng vị trí thứ hai và thứ ba.

Bình quân năm giai đoạn 2021-2025 tốc độ tăng NSLĐ của 3 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ có kết quả là 4,77%; 5,07% và 4,88%.

NSLĐ toàn nền kinh tế của Việt Nam đạt được còn ở mức khiêm tốn so với các nước Đông Nam Á, nhưng đã có những tiến bộ đáng ghi nhận do NSLĐ liên tục tăng lên qua các năm với tốc độ tăng tương đối khá ở cả ba khu vực kinh tế và đã đóng góp có tính quyết định vào tăng trưởng GDP của Việt Nam trong những năm qua.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, áp dụng kỹ thuật số trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh đào tạo nâng cao trình độ của người lao động, v.v. để tiếp tục phấn đấu tăng NSLĐ đồng đều ở cả 3 khu vực kinh tế cũng như ở tất cả các ngành kinh tế quốc dân, tiếp tục góp phần quan trọng trong việc tăng nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước.